

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 15-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh Thủy

Ông Trần Thanh Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Trung Q, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Chu Thị B, sinh năm 1960; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật, đã 03 lần bị kết án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2009/HSST ngày 13-01-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 13 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2009/HSST ngày 04-6-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 năm tù về tội Mua bán phụ nữ và tội Mua bán trẻ em. Tổng hợp với hình phạt 13 năm tù về tội Mua bán phụ nữ tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2009/HSST ngày 13-01-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 30 năm tù. Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2009/HSST ngày 04-6-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 30 năm tù; bị bắt ngày 12-9-2008, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý, Bộ Công an; có mặt.

2. Khuất Thị P, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1992 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 14 tuổi, dưới 16 tuổi); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Văn P, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị Đ (đã chết), mẹ kế Lương Thị B; chưa có chồng, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật, đã 02 lần bị kết án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2009/HSST ngày 16-7-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán phụ nữ và tội Mua bán trẻ em. Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2009/HSST ngày 16-7-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 12 năm tù; bị bắt để tạm giam từ ngày 22-11-2018 đến nay; có mặt.

3. Hoàng Thị T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1991 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 16 tuổi, dưới 18 tuổi); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Âu Thị D, sinh năm 1952; chưa có chồng, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật, bị bắt để tạm giam từ ngày 22-11-2018 đến nay; có mặt.

4. Nông Thị T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1992 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 14 tuổi, dưới 16 tuổi); nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng Công ty; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S (đã chết) và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960; có chồng là Lê Văn Q, sinh năm 1983, có 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Bà Âu Thị D, sinh năm 1952. Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là mẹ của bị cáo Hoàng Thị T; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là mẹ của bị cáo Nông Thị T; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà Hoàng Tô Minh H: Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn là người bào chữa cho bị cáo Khuất Thị P; có mặt.

2. Bà Lê Thị L: Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T; có mặt.

3. Ông Bé Quang H: Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn là người bào chữa cho bị cáo Nông Thị T; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Đặng Thị Mai L, sinh ngày 15-12-1992. Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 03-7-1993. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3. Chị Ngô Thị H, sinh ngày 06-11-1993. Địa chỉ: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Bé Thị Hồng N, sinh ngày 08-9-1993. Địa chỉ: Thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là mẹ của Hoàng Thị Thanh T; vắng mặt.

2. Bà Đào Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn là mẹ của Đặng Thị Mai L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Trung Q và Khuất Thị P có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, cả hai thường xuyên sang Ái Diễm - Trung Quốc để sinh sống. Khoảng giữa năm 2007 tại Trung Quốc, Hoàng Trung Q, Khuất Thị P quen biết hai người phụ nữ tên là V và M (là người Việt Nam sinh sống tại Trung Quốc), V và M đặt vấn đề với Hoàng Trung Q, Khuất Thị P tìm đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc sẽ bán được với giá từ 3.000 đến 4.000 NDT/01 người, Hoàng Trung Q, Khuất Thị P đã đồng ý. Sau đó, Hoàng Trung Q, Khuất Thị P về Việt Nam lôi kéo Nông Thị T, Hoàng Thị T thực hiện hai vụ đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán, cụ thể như sau:

Khoảng cuối năm 2007, Khuất Thị P bảo Nông Thị T tìm đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán và Nông Thị T đồng ý. Sau đó, Nông Thị T đến thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì gặp Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N là người mà Nông Thị T đã quen biết từ trước. Sau khi gặp gỡ và đi chơi cùng nhau, Nông Thị T nảy sinh ý định lừa đưa hai người này sang Trung Quốc bán. Tiếp đó Nông Thị T rủ hai người này về nhà chơi rồi gọi Khuất Thị P đến để tìm cách đưa hai người này sang Trung Quốc bán. Bị cáo Khuất Thị P, Nông Thị T nói dối hai người này là Nông Thị T có chị gái ở Ái Diễm - Trung Quốc và rủ hai người này sang Trung

Quốc chơi, mua sắm đồ dùng, Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N đã đồng ý. Sau đó, Khuất Thị P cùng Nông Thị T đưa hai người này ra ngã ba thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đón xe ô tô đến cửa khẩu C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn rồi đi theo đường mòn sang Ái Diễm - Trung Quốc. Sau khi đi đến Ái Diễm - Trung Quốc, Khuất Thị P, Nông Thị T đưa hai người này vào nhà của đối tượng tên là M để bán, nhưng M không ở nhà nên Khuất Thị P gọi điện thoại cho M thì được M hướng dẫn đưa hai người này vào nhà một người phụ nữ thường gọi là bà B. Sau đó, Khuất Thị P đưa Nông Thị T, Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N đến nhà bà B, bà B đưa cho Khuất Thị P 2.000 NDT để Khuất Thị P đưa Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N đi chơi nhằm mục đích để hai người này không đòi về. Khoảng một, hai ngày sau, bà B gọi một chiếc xe ô tô 04 chỗ đến cùng khoảng hai đến ba người đàn ông Trung Quốc và nói sẽ đưa Khuất Thị P, Nông Thị T, Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N tiếp tục đi chơi. Biết bà B gọi những người này đến để đưa hai người này đi bán nên Khuất Thị P, Nông Thị T nói dối là xe chật đợi xe sau, Khuất Thị P bảo Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N lên xe đi trước, còn Khuất Thị P và Nông Thị T quay lại nhà bà B. Sau đó, Khuất Thị P đòi tiền bà B nhưng bà B nói giữa đường Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N đòi xuống xe rồi bỏ trốn nên không trả tiền cho Khuất Thị P; Khuất Thị P gọi điện đòi tiền bà M thì bà M không trả với lý do Khuất Thị P tự ý để bà B đưa Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N đi bán. Số tiền còn thừa từ số tiền 2.000 NDT mà bà B đã đưa cho trước đó, Khuất Thị P, Nông Thị T cùng nhau sử dụng hết. Đối với Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N sau khi đi cùng những người đàn ông Trung Quốc đã bị bán vào nhà chứa và bị ép làm gái bán dâm. Tháng 8-2008, Đặng Thị Mai L bị bắt khi đang bán dâm, đến tháng 11-2008 thì được Công an Trung Quốc trao trả về Việt Nam qua cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh. Còn Bé Thị Hồng N sau đó được một người đàn ông Trung Quốc giúp trốn thoát về Việt Nam qua cửa khẩu M, Quảng Ninh.

Khoảng 01 tháng sau (cũng vào thời điểm cuối năm 2007), biết Hoàng Thị T có quen Hoàng Thị Thanh T và Ngô Thị H nên Hoàng Trung Q và Khuất Thị P đã bàn với Hoàng Thị T lừa hai người này để đưa sang Trung Quốc bán, với thủ đoạn sẽ nói dối họ là Hoàng Thị T đang ở bên Trung Quốc để rủ hai người này sang Trung Quốc chơi với Hoàng Thị T. Sau khi đã bàn bạc xong, khoảng mấy ngày sau thì Hoàng Trung Q, Khuất Thị P gặp Hoàng Thị Thanh T, Ngô Thị H khi đang đi chơi tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Trung Q, Khuất Thị P đã rủ hai người này về nhà Hoàng Trung Q chơi, sau đó rủ sang Trung Quốc chơi với Hoàng Thị T đang ở bên Trung Quốc. Bị cáo Khuất Thị P đưa máy điện thoại di động cho Hoàng Thị Thanh T nói chuyện với Hoàng Thị T, thời điểm này Hoàng Thị T đang ở Việt Nam nhưng nói dối Hoàng Thị Thanh T là đang ở bên Trung Quốc không muốn về nhà, rồi rủ Hoàng Thị Thanh T sang Trung Quốc lấy quần áo về cho Hoàng Thị T và nếu có Ngô Thị H ở đó thì rủ đi chơi cùng, Hoàng Thị Thanh T tin tưởng nên đã đồng ý và rủ Ngô Thị H cùng đi. Sau đó, Hoàng Trung Q gọi điện báo cho V ở bên Trung Quốc biết sẽ đưa người sang bán, rồi cùng Khuất Thị P dẫn Hoàng Thị Thanh T, Ngô Thị H đến ngã ba thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đón xe ô tô khách đi vào cửa khẩu C thuộc xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đi theo đường mòn sang Ái Diễm - Trung Quốc và

đưa vào nhà của V. Sau đó, V gọi khoảng hai, ba người đàn ông Trung Quốc đi xe ô tô loại 04 chỗ ngồi đến, Khuất Thị P bảo Hoàng Thị Thanh T và Ngô Thị H lên xe đi cùng những người này và nói dối sẽ cùng Hoàng Trung Q đi xe sau, hai người này tin tưởng nên đã đi cùng những người đàn ông Trung Quốc. Sau đó, V trả cho Hoàng Trung Q và Khuất Thị P 5.000 NDT, Hoàng Trung Q và Khuất Thị P ra chợ Ái Đầm, Trung Quốc đổi ra tiền Việt Nam được 13.000.000 đồng. Số tiền này, Hoàng Trung Q và Khuất Thị P chia cho Hoàng Thị T 6.000.000 đồng, số tiền còn lại Hoàng Trung Q và Khuất Thị P cùng nhau chi tiêu hết. Đối với Hoàng Thị Thanh T và Ngô Thị H, sau khi bị những người đàn ông Trung Quốc đưa đi đã bị ép làm gái bán dâm, sau đó bị bán làm vợ người Trung Quốc, khoảng một năm sau cả hai trốn được về Việt Nam.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS-P1 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Khuất Thị P về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm c, đ, e khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Hoàng Trung Q, Hoàng Thị T, Nông Thị T về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T, Nông Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P nhất trí sẽ có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Bị cáo Khuất Thị P sẽ bồi thường cho 04 bị hại mỗi bị hại 25.000.000 đồng, bị cáo Hoàng Trung Q sẽ bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T, Ngô Thị H mỗi người 25.000.000 đồng. Bị cáo Nông Thị T cho biết đã bồi thường cho bị hại Đặng Thị Mai L 25.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đào Thị H (là mẹ của Đặng Thị Mai L) 15.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Bé Thị Hồng N 25.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng Thị T cho biết gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T 25.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Ngô Thị H 25.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng Thị T, Nông Thị T trình bày: Các bị cáo phạm tội khi còn chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, bị người khác rủ rê; bị cáo và gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường cho các bị hại và gia đình bị hại đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo có cơ hội cải tạo tại địa phương, sửa chữa lỗi lầm.

Bị hại Đặng Thị Mai L tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cuối năm 2007, bị hại đã bị Khuất Thị P, Nông Thị T lừa bán sang Trung Quốc, bị hại đã bị bán vào nhà chứa và bị ép làm gái bán dâm, tháng 11-2008 bị hại được trao trả về Việt Nam. Đặng Thị Mai L yêu cầu Khuất Thị P, Nông Thị T bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường 25.000.000 đồng. Bị hại xác nhận Nông Thị T đã bồi thường 25.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu Nông Thị T phải bồi thường gì thêm, Đặng Thị Mai L có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nông Thị T.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Thị Mai L có mặt tại phiên tòa cho biết: Trong quá trình điều tra bà có yêu cầu Khuất Thị P và Nông Thị T bồi

thường 30.000.000 đồng, Nông Thị T đã bồi thường cho bà đủ 15.000.000 đồng, nay bà không yêu cầu Nông Thị T phải bồi thường gì thêm, bà đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nông Thị T được cải tạo ngoài xã hội để nuôi con và điều trị HIV. Đối với Khuất Thị P do hoàn cảnh gia đình nên bà không yêu cầu Khuất Thị P phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Bị hại Bé Thị Hồng N tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cuối năm 2007, bị hại đã bị Khuất Thị P, Nông Thị T lừa bán sang Trung Quốc, bị hại đã bị bán vào nhà chứa và bị ép làm gái bán dâm, sau đó một thời gian thì bị hại trốn về được Việt Nam. Bé Thị Hồng N yêu cầu Khuất Thị P, Nông Thị T bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường 25.000.000 đồng. Bị hại xác nhận Nông Thị T đã bồi thường 25.000.000 đồng và Bé Thị Hồng N không có yêu cầu Nông Thị T phải bồi thường gì thêm, Bé Thị Hồng N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nông Thị T.

Bị hại Hoàng Thị Thanh T và người đại diện hợp pháp của mình tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cuối năm 2007, bị hại đã bị Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T lừa bán sang Trung Quốc, bị ép làm gái bán dâm và bị bán làm vợ người Trung Quốc. Cuối năm 2008 bị hại đã trốn về được Việt Nam. Bị hại và gia đình của mình yêu cầu Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T bồi thường tổng số tiền là 114.000.000 đồng gồm chi phí đi lại, tiền tàu xe, tiền ăn uống, tiền thuê người đi tìm là 14.000.000 đồng, chi phí bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín là 100.000.000 đồng, cụ thể Hoàng Thị T phải bồi thường 25.000.000 đồng, Hoàng Trung Q, Khuất Thị P mỗi người phải bồi thường 44.500.000 đồng. Bị hại và gia đình của mình xác nhận gia đình Hoàng Thị T đã bồi thường 25.000.000 đồng và bị hại cùng gia đình của mình không có yêu cầu Hoàng Thị T phải bồi thường gì thêm, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Hoàng Thị T.

Bị hại Ngô Thị H tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cuối năm 2007, bị hại đã bị Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T lừa bán sang Trung Quốc, bị ép làm gái bán dâm và bị bán làm vợ người Trung Quốc. Cuối năm 2008 bị hại đã trốn về được Việt Nam. Bị hại yêu cầu Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T bồi thường tổng số tiền là 75.000.000 đồng cụ thể mỗi người phải bồi thường 25.000.000 đồng. Bị hại xác nhận gia đình Hoàng Thị T đã bồi thường 25.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu Hoàng Thị T phải bồi thường gì thêm, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Hoàng Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Mua bán người dưới 16 tuổi và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T, Nông Thị T phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Trung Q từ 14 đến 16 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 30

năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 30 năm tù. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm c, đ, e khoản 2 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 90, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Khuất Thị P từ 06 đến 07 năm tù. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 03 đến 04 năm tù. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65, 90, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Thị T 24 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo không có tài sản. Về bồi thường thiệt hại: Xác nhận Hoàng Thị T, Nông Thị T đã bồi thường xong cho các bị hại. Buộc Hoàng Trung Q, Khuất Thị P phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 25.000.000 đồng. Buộc Hoàng Trung Q, Khuất Thị P phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Ngô Thị H với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 25.000.000 đồng. Buộc Khuất Thị P phải bồi thường cho chị Đặng Thị M L số tiền 25.000.000 đồng, bồi thường cho chị Bé Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Hoàng Tô Minh H là người bào chữa cho bị cáo Khuất Thị P và bị cáo tự bào chữa đều nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Khuất Thị P 06 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bà Lê Thị L là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo tự bào chữa đều nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Hoàng Thị T 03 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa ông Bé Quang H là người bào chữa cho bị cáo Nông Thị T và bị cáo tự bào chữa đều nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nông Thị T từ 02 đến 03 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Nông Thị T xin được cải tạo tại địa phương để đi làm, có điều kiện chữa trị HIV và tiếp tục được nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị hại Đặng Thị Mai L, Hoàng Thị T, Ngô Thị H, Bé Thị Hồng N và người đại diện hợp pháp của Hoàng Thị T là bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; do đó có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian cuối năm 2007, các bị cáo Khuất Thị P, Nông Thị T đã thực hiện hành vi bán Đặng Thị Mai L (sinh ngày 15-12-1992), Bé Thị Hồng N (sinh ngày 08-9-1993) sang Trung Quốc. Cũng trong khoảng thời gian cuối năm 2007, các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T đã thực hiện hành vi bán Hoàng Thị Thanh T (sinh ngày 03-7-1993) và Ngô Thị H (sinh ngày 06-11-1993) sang Trung Quốc. Tại thời điểm thực hiện tội phạm, tất cả 04 bị hại đều chưa đủ 16 tuổi. Các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T, Nông Thị T phạm tội đối với từ 02 người đến 05 người. Bị cáo Khuất Thị P phạm tội 02 lần.

[4] Thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào cuối năm 2007 nên sẽ áp dụng các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tội Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em có khung hình phạt từ ba năm đến mười năm; khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tội Mua bán người dưới 16 tuổi có khung hình phạt từ bảy năm đến mười hai năm tù; khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ mười hai năm đến hai mươi năm tù. Khi xét xử các vụ án hình sự thuộc các trường hợp: Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Tòa án căn cứ vào quy định tại Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV để giải quyết vụ án.

[5] Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Khuất Thị P phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, đ, e khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Hoàng Trung Q, Hoàng Thị T, Nông Thị T phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền ăn tiêu vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, xâm hại thân thể, quyền tự do của con người. Việc mua bán người để đưa ra nước ngoài đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng rất lớn đến trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mọi hành vi mua bán người để nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[7] Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó. Để cá thể hoá hình phạt, có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét đến nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[8] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Hoàng Trung Q và Khuất Thị P có vai trò chính, là người chủ mưu, khởi xướng, lôi kéo các bị cáo Nông Thị T, Hoàng Thị T cùng tham gia, đồng thời cũng là những người thực hiện tích cực trong việc đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán. Các bị cáo Nông Thị T, Hoàng Thị T là những người giúp sức trong việc thực hiện tội phạm.

[9] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Trung Q thấy rằng: Bị cáo đã 03 lần bị kết án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2009/HSST ngày 13-01-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 13 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2009/HSST ngày 04-6-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 năm tù về tội Mua bán phụ nữ và tội Mua bán trẻ em. Tổng hợp với hình phạt 13 năm tù về tội Mua bán phụ nữ tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2009/HSST ngày 13-01-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 30 năm tù. Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số:

41/2009/HSST ngày 04-6-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 30 năm tù. Đối với các vụ án mà bị cáo bị kết án nêu trên đều được bị cáo thực hiện trong năm 2008, còn đối với vụ án này bị cáo thực hiện khoảng cuối năm 2007, do đó theo quy định của pháp luật thì các bản án nêu trên đều không xác định là tiền án đối với bị cáo xong điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo đã xúi dục các bị cáo khác (là những người khi đó đều dưới 18 tuổi) phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại Trại giam Ngọc Lý - Bộ Công an. Tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào vào thời hạn chấp hành hình phạt chung. Do đó, Tòa án sẽ phải tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Hoàng Trung Q theo quy định của pháp luật.

[10] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Khuất Thị P thấy rằng: Bị cáo đã 02 lần bị kết án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2009/HSST ngày 16-7-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán phụ nữ và tội Mua bán trẻ em. Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2009/HSST ngày 16-7-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hình phạt chung bị cáo phải thi hành là 12 năm tù. Ngày 19-9-2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Đối với các vụ án mà bị cáo bị kết án nêu trên đều được bị cáo thực hiện trong năm 2008, còn đối với vụ án này bị cáo thực hiện khoảng cuối năm 2007, do đó theo quy định của pháp luật thì các bản án nêu trên đều không xác định là tiền án đối với bị cáo xong điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo đã xúi dục bị cáo Hoàng Thị T, Nông Thị T (là những người khi đó đều dưới 18 tuổi) phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới có thể giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi (trên 14

tuổi, dưới 16 tuổi) nên cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 90, 91,101 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt.

[11] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị T: Bị cáo chưa có tiền án, chưa có tiền sự; trong quá trình sinh sống ở địa phương ngoài lần phạm tội này ra chưa có vi phạm gì. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo đã tác động để gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại Ngô Thị H 25.000.000 đồng, cho bị hại Hoàng Thị Thanh T và gia đình Hoàng Thị Thanh T số tiền 25.000.000 đồng. Các bị hại Hoàng Thị Thanh T, Ngô Thị H và gia đình của mình không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đây là tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị hại Hoàng Thị Thanh T, Ngô Thị H đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến Hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi (trên 16 tuổi, dưới 18 tuổi) nên cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 90, 91,101 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt. Xét thấy Hoàng Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò thứ yếu nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Qua đó, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[12] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Thị T: Bị cáo chưa có tiền án, chưa có tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại Đặng Thị Mai L 25.000.000 đồng, cho bà Đào Thị H là mẹ của Đặng Thị Mai L số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Bé Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng. Các bị hại Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N và gia đình của mình không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đây là tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị hại Đặng Thị Mai L, Bé Thị Hồng N và gia đình của mình đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Đặng Thị Mai L đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho Nông Thị T được cải tạo ngoài xã hội. Đây là tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người

chưa đủ 18 tuổi (trên 14 tuổi, dưới 16 tuổi) nên cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt. Xét thấy bị cáo Nông Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò thứ yếu nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[13] Bị cáo Nông Thị T là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, nơi làm việc; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; hiện bị cáo bị nhiễm HIV và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra từ năm 2007 khi đó bị cáo mới trên 14 tuổi dưới 16 tuổi; từ khi xảy ra hành vi phạm tội đến nay bị cáo không có bất kỳ vi phạm pháp luật nào, đã và đang đi làm để nuôi sống bản thân. Pháp luật hình sự quy định việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa lỗi lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người công dân có ích cho xã hội. Nhận thấy, bị cáo Nông Thị T có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

[14] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ (Biên bản xác minh ngày 15-12-2018) và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các bị cáo đa số không có việc làm, không có thu nhập; bị cáo Nông Thị T tuy có thu nhập nhưng mức thu nhập không cao, lại nhiễm HIV; các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[15] Các biện pháp tư pháp: Trong vụ án này các bị cáo có thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần truy thu của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Truy thu của Khuất Thị P tổng cộng là 6.100.000 đồng; truy thu của Nông Thị T số tiền 2.600.000 đồng; truy thu của Hoàng Thị T số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của Hoàng Trung Q số tiền 3.500.000 đồng.

[16] Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại Đặng Thị Mai L yêu cầu Khuất Thị P và Nông Thị T bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường 25.000.000 đồng, mẹ của Đặng Thị Mai L là bà Đào Thị H yêu cầu Khuất Thị P và Nông Thị T bồi thường 30.000.000 đồng, cụ thể mỗi

người phải bồi thường 15.000.000 đồng. Bị cáo Nông Thị T đã bồi thường cho Đặng Thị Mai L 25.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đào Thị H số tiền 15.000.000 đồng (Đặng Thị Mai L và gia đình của mình không yêu cầu Nông Thị T phải bồi thường gì thêm). Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng Đặng Thị Mai L vẫn yêu cầu Khuất Thị P bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, bà Đào Thị H có mặt tại phiên tòa không yêu cầu Khuất Thị P phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Trước yêu cầu của Đặng Thị Mai L đưa ra Khuất Thị P nhất trí.

[17] Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại Bé Thị Hồng N yêu cầu Khuất Thị P và Nông Thị T bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường 25.000.000 đồng. Bị cáo Nông Thị T đã bồi thường cho Bé Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng (Bé Thị Hồng N không yêu cầu Nông Thị T phải bồi thường gì thêm). Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng Bé Thị Hồng N vẫn yêu cầu Khuất Thị P bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Trước yêu cầu của Bé Thị Hồng N đưa ra Khuất Thị P nhất trí.

[18] Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại Hoàng Thị Thanh T và mẹ của mình là bà Nguyễn Thị T yêu cầu Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T bồi thường tổng số tiền là 114.000.000 đồng, cụ thể Hoàng Thị T phải bồi thường 25.000.000 đồng, Khuất Thị P, Hoàng Trung Q mỗi người phải bồi thường 44.500.000 đồng. Gia đình của Hoàng Thị T đã bồi thường cho Hoàng Thị Thanh T số tiền 25.000.000 đồng (Hoàng Thị Thanh T và gia đình của mình không yêu cầu Hoàng Thị T phải bồi thường gì thêm). Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng Hoàng Thị T và gia đình của mình vẫn yêu cầu Hoàng Trung Q, Khuất Thị P mỗi người phải bồi thường 44.500.000 đồng. Các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P chỉ chấp nhận mỗi người sẽ bồi thường 25.000.000 đồng. Xét thấy, mức bồi thường mà Hoàng Thị T và gia đình của mình đưa ra là quá cao, mức bồi thường mà Hoàng Trung Q, Khuất Thị P đưa ra là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại Ngô Thị H yêu cầu Hoàng Trung Q, Khuất Thị P và Hoàng Thị T bồi thường tổng số tiền là 75.000.000 đồng, cụ thể mỗi người phải bồi thường 25.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường cho Ngô Thị H số tiền 25.000.000 đồng (Ngô Thị H không yêu cầu Hoàng Thị T phải bồi thường gì thêm). Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng Ngô Thị H vẫn yêu cầu Hoàng Trung Q, Khuất Thị P mỗi người phải bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Trước yêu cầu của Ngô Thị H đưa ra Hoàng Trung Q, Khuất Thị P nhất trí.

[20] Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật về xử lý đối với hành vi trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật về xử lý đối với hành vi trên và phù hợp với các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Trung Q phải bồi thường tổng cộng 50.000.000 đồng nên bị cáo có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự là 2.500.000 đồng. Bị cáo Khuất Thị P phải bồi thường tổng cộng 100.000.000 đồng nên bị cáo có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự là 5.000.000 đồng. Toàn bộ tiền án phí được sung vào công quỹ Nhà nước.

[23] Các bị cáo, các bị hại, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV, khoản 3 Điều 7, điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Trung Q;

Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV, khoản 3 Điều 7, điểm c, đ, e khoản 2 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Khuất Thị P;

Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV, khoản 3 Điều 7, điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 54, 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị T;

Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV, khoản 3 Điều 7, điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 54, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Thị T;

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 288, 357, 468, 584, 585, 586, 587, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T, Nông Thị T phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Trung Q 15 (mười lăm) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 30 (ba mươi) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2010/HSST ngày 01-02-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hình phạt chung bị cáo Hoàng Trung Q phải thi hành là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 12-9-2008.

Xử phạt bị cáo Khuất Thị P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để tạm giam là ngày 22-11-2018.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để tạm giam là ngày 22-11-2018.

Xử phạt bị cáo Nông Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15-7-2019.

Giao bị cáo Nông Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các biện pháp tư pháp

Truy thu của bị cáo Khuất Thị P số tiền 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Hoàng Thị T số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Hoàng Trung Q số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Nông Thị T số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

4.1. Buộc các bị cáo Khuất Thị P, Nông Thị T phải liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại cho bị hại chị Đặng Thị Mai L và bà Đào Thị H là người đại diện hợp pháp của chị Đặng Thị Mai L với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Nông Thị T phải bồi thường cho chị Đặng Thị Mai L số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Nông Thị T đã bồi thường xong.

Bị cáo Nông Thị T phải bồi thường cho bà Đào Thị Hải số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Nông Thị T đã bồi thường xong.

Bị cáo Khuất Thị P phải bồi thường cho chị Đặng Thị M L số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

4.2. Buộc các bị cáo Khuất Thị P, Nông Thị T phải liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại cho bị hại chị Bé Thị Hồng N với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Nông Thị T phải bồi thường cho chị Bé Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Nông Thị T đã bồi thường xong.

Bị cáo Khuất Thị P phải bồi thường cho chị Bé Thị Hồng N số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

4.3. Buộc các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T phải liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại cho bị hại chị Hoàng Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của chị Hoàng Thị Thanh T với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường xong.

Bị cáo Hoàng Trung Q phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo Khuất Thị P phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

4.4. Buộc các bị cáo Hoàng Trung Q, Khuất Thị P, Hoàng Thị T phải liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại cho bị hại chị Ngô Thị H với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho chị Ngô Thị H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường xong.

Bị cáo Hoàng Trung Q phải bồi thường cho chị Ngô Thị H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo Khuất Thị P phải bồi thường cho chị Ngô Thị H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí

Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nông Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Trung Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự. Tổng cộng là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Khuất Thị P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự. Tổng cộng là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo, các bị hại;
- Người đại diện;
- Người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu: VT, Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

